

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Trạm y tế xã Thượng Hồng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng ;

Căn cứ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 18/06/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H24.18-260515-180002) ;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 16/06/2026 và biên bản báo cáo khắc phục ngày 13/07/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1863/QĐ-SYT ngày 20/05/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Trạm y tế xã Thượng Hồng;
- Địa chỉ: Thôn Dinh Trại Như, xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.
- Số GPMD: 001750/HP-GPMD do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Đình Đoài
- Số CCHN: 0007621/HD-CCHN do Sở Y tế Hải Dương cấp ngày 01/02/2021;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế
- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 78 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Trạm y tế xã Thượng Hồng có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trạm y tế xã Thượng Hồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD T.Q.Trinh, PGD N.T.Tr Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN (TẠI PHỤ
LỤC 01 THÔNG TƯ 23/2023/TT-BYT)
THỰC HIỆN TẠI TRẠM Y TẾ XÃ THƯỢNG HỒNG**
(Kèm theo Quyết định số 2662 /QĐ-SYT ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	51	1.51	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hồi sức chống sốc
2	57	1.57	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua gọng kính
3	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
4	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
5	86	1.86	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
6	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
7	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
8	251	1.251	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
9	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
10	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
11	270	1.27	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
12	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
13	281	1.281	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
14	362	1.362	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc
15	433	2.31	02. NỘI KHOA	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
16	552	2.150	02. NỘI KHOA	Hút đờm hầu họng
17	590	2.188	02. NỘI KHOA	Đặt sonde bàng quang

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	739	2.337	02. NỘI KHOA	Thụt thuốc qua đường hậu môn
19	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
20	1041	2.642	02. NỘI KHOA	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều
21	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt
22	1228	3.107	03. NHI KHOA	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
23	1229	3.108	03. NHI KHOA	Thở oxy gọng kính
24	1254	3.133	03. NHI KHOA	Thông tiểu
25	1324	3.203	03. NHI KHOA	Cầm máu (vết thương chảy máu)
26	1331	3.210	03. NHI KHOA	Tiêm truyền thuốc
27	1930	3.809	03. NHI KHOA	Chườm lạnh
28	1934	3.813	03. NHI KHOA	Xoa bóp
29	2824	3.1703	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu da
30	2825	3.1704	03. NHI KHOA	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
31	3046	3.1926	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi do mọc răng
32	3047	3.1927	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
33	3076	3.1957	03. NHI KHOA	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
34	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
35	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
36	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
37	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
38	3508	3.2390	03. NHI KHOA	Tiêm tĩnh mạch

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
39	3509	3.2391	03. NHI KHOA	Truyền tĩnh mạch
40	4149	3.3031	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
41	4201	3.3083	03. NHI KHOA	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
42	4651	3.3533	03. NHI KHOA	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
43	4712	3.3594	03. NHI KHOA	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo
44	4939	3.3821	03. NHI KHOA	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
45	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
46	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
47	5029	3.3911	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ
48	5364	3.4246	03. NHI KHOA	Tháo bột các loại
49	5878	7.225	07. NỘI TIẾT	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
50	5892	7.239	07. NỘI TIẾT	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
51	5893	7.240	07. NỘI TIẾT	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
52	5894	7.241	07. NỘI TIẾT	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
53	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
54	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
55	13357	13.32	13. PHỤ SẢN	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn
56	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
57	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tăng sinh môn
58	13361	13.36	13. PHỤ SẢN	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
59	13362	13.37	13. PHỤ SẢN	Kiểm soát tử cung

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
60	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
61	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
62	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
63	13522	13.197	13. PHỤ SẢN	Chăm sóc rốn sơ sinh
64	13523	13.198	13. PHỤ SẢN	Tắm sơ sinh
65	13525	13.200	13. PHỤ SẢN	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh
66	13553	13.228	13. PHỤ SẢN	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
67	13777	3.1665	03. NHI KHOA	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
68	13803	3.1706	03. NHI KHOA	Lấy dị vật kết mạc
69	13811	14.208	14. MẮT	Thay băng vô khuẩn
70	13812	14.209	14. MẮT	Tra thuốc nhỏ mắt
71	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
72	14134	3.2191	03. NHI KHOA	Khí dung mũi họng
73	14214	15.302	15. TAI MŨI HỌNG	Cắt chỉ sau phẫu thuật
74	14215	15.303	15. TAI MŨI HỌNG	Thay băng vết mổ
75	17379	23.173	23. HÓA SINH	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]
76	17400	23.194	23. HÓA SINH	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
77	17401	23.195	23. HÓA SINH	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]
78	17440	23.234	23. HÓA SINH	Đường máu mao mạch